

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN G-TỈNH BẮC NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 10/2021/DS-ST
Ngày 17/9/2021
V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN G, TỈNH BẮC NINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị M Nguyệt;

Hội thẩm nhân dân: Ông Hoàng Đăng Đán và ông Nguyễn Văn Tuấn

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Thế Cường, Thẩm tra viên Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện G: Bà Vũ Thị Huyền, Kiểm sát viên.

Ngày 17/9/2021, tại Tòa án huyện G, tỉnh Bắc Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ L số: 40/2021/TLST-DS ngày 26/4/2021, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 08/2021/QĐXXST-DS ngày 02/8/2021; quyết định hoãn phiên tòa số 17a/2021/QĐST –DS ngày 20/8/2021 giữa:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1960; Địa chỉ: MC, TSN, TP, thành phố Hồ Chí M. Vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Anh Nguyễn Anh Ng, sinh năm 1971; địa chỉ: Th, phường N, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh. Có mặt.

- Bị đơn: Anh Trần Văn D, sinh năm 1985; chị Trần Thị T, sinh năm 1989; Địa chỉ: Thôn D, xã S, huyện G, tỉnh Bắc Ninh. Đều vắng mặt.

- Người có quyền lợi, Ng vụ liên quan:

1. Anh Nguyễn Văn M, sinh năm 1975; Địa chỉ: Số 11/22 Hồ Đắc Di, phường Tây Thạnh, quận TP, thành phố Hồ Chí M. Vắng mặt

2. Bà Nguyễn Thị Th, sinh năm 1963; Địa chỉ: Thôn D, xã S, huyện G, tỉnh Bắc Ninh. Vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là anh Nguyễn Anh Ng trình bày: Anh đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà L. Bà L và vợ chồng anh D, chị T không có quan hệ họ hàng nhưng quen biết nhau qua anh Nguyễn Văn M. Ngày 05/7/2017 bà L cho anh D, chị T vay số tiền 500 triệu đồng. Số tiền này là của cá nhân bà L, không liên quan đến chồng bà L. Anh D là người viết và ký “giấy mượn tiền”, trong giấy mượn tiền có chữ ký của cả hai vợ chồng anh D, chị T. Bà L trực tiếp giao tiền cho anh D, chị T và anh D, chị T giao cho bà L 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng thửa đất số 4, tờ bản đồ số 41 thôn D, xã S, huyện G, tỉnh Bắc Ninh để làm tin. Anh D, chị T hện

01 năm sau sẽ trả bà tiền gốc. Bà L đã đòi nhiều lần nhưng vợ chồng anh D không trả tiền cho bà. Bà đã khởi kiện tại tòa án nhưng sau đó rút đơn khởi kiện vì muốn thỏa thuận việc trả nợ với anh D, chị T nhưng không được. Nay bà L yêu cầu anh D, chị T phải trả cho bà số tiền gốc là 500 triệu đồng và tiền lãi tính từ ngày vay (05/7/2017) đến ngày xét xử là 04 năm 02 tháng 12 ngày $\times 0,625\%$ /tháng = 157.500.000đ. Anh D, chị T còn tiếp tục phải trả lãi cho bà L từ ngày 18/9/2021 đến khi anh D, chị T thanh toán xong toàn bộ khoản nợ. Mức lãi suất là 7,5%/ năm tương ứng 0,625%/ tháng.

Toàn bộ quá trình tố tụng từ khi thụ lý vụ án ngày 26/4/2021 đến khi có quyết định đưa vụ án ra xét xử anh Trần Văn D và chị Trần Thị T không có lời trình bày hoặc bản tự khai thể hiện ý chí của mình đối với yêu cầu khởi kiện của bà L. Tòa án tiến hành các biện pháp thu thập chứng cứ, tổng đạt các văn bản tố tụng của tòa án đối với anh D, chị T thì bị xua đuổi, không nhận được sự hợp tác từ anh D, chị T. Theo tài liệu thu thập được: Tại bản tự khai ngày 17/01/2019, anh D xác nhận vợ chồng anh có vay số tiền 500 triệu đồng của bà L. Hai bên có làm giấy biên nhận vay nợ. Trong giấy vay nợ không ghi lãi suất nhưng có thỏa thuận miệng với nhau là trả lãi 7.500.000đ/ tháng. Vợ chồng anh có thể chấp cho bà L 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 4, tờ bản đồ số 41 mang tên Trần Văn D, thôn D, xã S, huyện G, tỉnh Bắc Ninh. Do làm ăn thua lỗ nên vợ chồng anh mới trả cho bà L được 04 tháng tiền lãi với mức lãi suất là 7.500.000đ/ tháng, chưa trả được tiền gốc. Vợ chồng anh xin được trả dần khoản nợ nêu trên. Tòa án yêu cầu các đương sự cung cấp chứng cứ chứng minh việc vay, trả tiền gốc và lãi nhưng anh D, chị T không có bằng chứng giao nộp cho Tòa án.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là anh Nguyễn Văn M xác định bà L có cho vợ chồng anh D, chị T vay tiền, anh là người đứng ra bảo lãnh cho vợ chồng anh D, chị T vay tiền của bà L với số tiền vay là 500 triệu đồng. Bảo lãnh theo anh hiểu là anh có quan hệ với anh D, chị T và bà L nên kết nối để bà L cho anh D, chị T vay tiền. Anh đề nghị vợ chồng anh D, chị T phải có Ng vụ trả tiền vay theo yêu cầu khởi kiện của bà L. Anh xin vắng mặt tại tất cả các buổi làm việc của tòa án và xin vắng mặt tại phiên tòa.

Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Nguyễn Thị Th, Tòa án tiến hành lấy lời khai của bà Th nhưng bà Th không hợp tác mà xua đuổi cán bộ tòa án, công an xã S khi tòa án phối hợp cùng công an đến lấy lời khai của bà. Bà có nói đất đai bà đang ở là của bố mẹ để lại cho bà. bà đang sống cùng vợ chồng và các con anh D, chị T.

Tòa án đã tiến hành mở phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải nhưng bị đơn vắng mặt nên không thể hòa giải.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm nghị án là đúng quy định pháp luật. Nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án đã chấp hành đúng và đầy đủ quyền và Ng vụ của mình theo quy

định của pháp luật. Bị đơn trong quá trình tố tụng chưa chấp hành tốt quyền và Ng vụ của mình. Tòa án đã triệu tập nhiều lần nhưng bị đơn đều vắng mặt. Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: Các Điều 26, 35, 39, 91, 144, 147, 228, 235, 266, 271 và 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 116, 117, 119, 398, 463, 465, 466, 468, 470 Bộ luật dân sự 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về án phí lệ phí Tòa án; xét xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bị đơn là anh Trần Văn D và chị Trần Thị T phải trả bà Nguyễn Thị L số tiền gốc đã vay là 500 triệu đồng và tiền lãi tính đến ngày 17/9/2021 là 157.500.000đ. Anh D, chị T còn tiếp tục phải trả lãi cho bà L kể từ ngày 18/9/2021 đến khi thi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ với mức lãi suất là 7,5%/ năm tương ứng 0,625%/ tháng.

Án phí: Anh Trần Văn D và chị Trần Thị T phải chịu án phí sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Quan hệ pháp luật, thời hiện khởi kiện và thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả lại tiền vay theo văn bản đã viết. Đây là tranh chấp dân sự về hợp đồng vay tài sản theo quy định tại điều 463 BLDS 2015. Bị đơn là anh Trần Văn D và chị Trần Thị T có hộ khẩu thường trú tại xã S, huyện G, tỉnh Bắc Ninh nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện G theo quy định khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, do đó Tòa án huyện G thụ L vụ án là đúng thẩm quyền.

Ngày 20/6/2018, bà L khởi kiện đối với anh D, chị T. Ngày 30/11/2020, bà L rút đơn khởi kiện để thỏa thuận việc trả nợ với anh D, chị T nhưng không thành. Việc bà khởi kiện lại vụ án ngày 26/4/2021 là không vi phạm thời hiệu khởi kiện.

Bị đơn là anh Trần Văn D và chị Trần Thị T đã được triệu tập hợp lệ lần thứ 2 nhưng vắng mặt không có lý do. Người cơ quyền lợi nghĩa vụ liên quan là anh Nguyễn Văn M xin vắng mặt tại các buổi làm việc của tòa án và tại phiên tòa. Bà Nguyễn Thị Th đã được triệu tập hợp lệ lần thứ 2 nhưng vắng mặt không có lý do. Nên Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan theo quy định tại khoản 3 Điều 228 BLTTDS.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Nguyên đơn là bà Nguyễn Thị L khởi kiện yêu cầu bị đơn là vợ chồng anh Trần Văn D và chị Trần Thị T phải trả số tiền gốc vay là 500 triệu đồng và tiền lãi tính đến ngày 17/9/2021 là 04 năm 02 tháng 12 ngày theo mức lãi suất 7,5%/ năm = 500.000.000đ x 7,5%/ năm x 04 năm 02 tháng 12 ngày = 157.500.000đ, đồng thời yêu cầu anh D, chị T có Ng vụ tiếp tục trả lãi từ ngày 18/9/2021 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ cho bà L với mức lãi suất 0,625%/ tháng. Căn

cứ vào lời khai của các bên đương sự, chứng cứ do nguyên đơn giao nộp là giấy viết tay có nội dung: “vợ chồng cháu Trần Văn D, Trần Thị T có vay của cô L Bắc số tiền 500.000.000 (năm trăm triệu đồng) 1 năm cháu lại trả lại gốc” có chữ ký của anh Trần Văn D và chị Trần Thị T. Anh D, chị T xác nhận có vay số tiền nêu trên của bà L. Giấy viết tay tuy không hoàn chỉnh về hình thức và nội dung theo quy định tại Điều 119, 398 BLDS 2015 nhưng vẫn đảm bảo những nội dung chính và hình thức bằng văn bản nên được xác định là hợp đồng vay tài sản. Cũng theo nội dung giấy vay tiền xác định giấy vay tiền là hợp đồng vay tài sản có kỳ hạn theo quy định tại Điều 470 BLDS. Bị đơn xác nhận có vay số tiền 500 triệu đồng của nguyên đơn nên đây là điều không phải chứng minh trong vụ án. Tại thời điểm lập và ký kết hợp đồng vay tài sản bà L, anh D, chị T đều tự nguyện thỏa thuận, không bị ép buộc. Các bên giao kết hợp đồng có năng lực hành vi dân sự phù hợp với quy định của pháp luật. Các bên đều xác nhận đối tượng của hợp đồng là có thật nên hợp đồng vay tài sản không vi phạm quy định của pháp luật. Nội dung của hợp đồng vay tài sản là hợp pháp, không vi phạm điều cấm của pháp luật và không trái đạo đức xã hội phù hợp với quy định tại Điều 398 Bộ luật Dân sự năm 2015, là căn cứ pháp lý để các bên thực hiện hợp đồng và nghĩa vụ hợp đồng.

Nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả tiền lãi theo mức lãi suất là 7,5%/ năm/ 500 triệu đồng. Tại bản tự khai ngày 17/01/2019, bị đơn xác định vay số tiền là 500 triệu đồng và hai bên thỏa thuận lãi là 7.500.000đ/ tháng/500 triệu. Bị đơn đã trả cho nguyên đơn được 04 tháng tiền lãi sau đó do làm ăn thua lỗ nên bị đơn không tiếp tục trả lãi cho nguyên đơn và không có khả năng trả gốc. Tòa án yêu cầu bị đơn giao nộp chứng cứ chứng minh việc trả gốc, lãi nhưng bị đơn không có chứng cứ nào giao nộp và không hợp tác với Tòa án mà xua đuổi. Như vậy xác định nguyên đơn và bị đơn cho nhau vay tiền và có thỏa thuận lãi suất miệng, không thể hiện trên hợp đồng nên yêu cầu tính lãi của nguyên đơn đối với bị đơn là có căn cứ cần được chấp nhận. Bị đơn xác định đã trả lãi được 4 tháng nhưng không có chứng cứ chứng minh nên không được chấp nhận. Mức lãi suất nguyên đơn đề nghị là 7,5%/ năm là phù hợp với quy định về lãi suất của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và điều 468 Bộ luật Dân sự nên cần chấp nhận.

Theo tài liệu có trong hồ sơ phản ánh anh D, chị T có đưa cho bà L 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 4 tờ bản đồ số 41 tại thôn D, xã S mang tên ông Trần Văn D. Do hai bên không làm hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất mà chỉ đưa cho nhau để làm tin đối với khoản vay 500 triệu đồng nên không xác định thửa đất nêu trên là tài sản thế chấp cho khoản vay giữa bà L với anh D, chị T. Tại bản tự khai ngày 20/6/2018 bà L xác định vợ chồng anh D, chị T trả bà khoản tiền đã vay thì bà sẽ trả lại vợ chồng anh D, chị T “sổ đỏ” đất nêu trên. Do vậy anh D chị T sẽ nhận lại sổ đỏ sau khi thanh toán trả bà L toàn bộ số tiền theo yêu cầu khởi kiện của bà L.

Trên giấy vay tiền có dòng chữ “người bảo lãnh” và có chữ ký của anh M. Theo lời trình bày của anh Ng và tài liệu có trong hồ sơ phản ánh, bà L và vợ

chồng anh D, chị T quen biết nhau qua anh M. Anh M là cầu nối cho hai bên đồng thời làm chứng cho việc vay nợ của anh D, chị T với bà L. Anh D, chị T đã giao cho bà L 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để đảm bảo cho khoản vay với bà L nên việc ký bảo lãnh của anh M được hiểu là bảo lãnh cho mối quan hệ giữa bà L với anh D, chị T mà không phải bảo lãnh cho khoản vay. Do vậy, anh M không có nghĩa vụ của người bảo lãnh hợp đồng vay như quy định tại Điều 342 Bộ luật dân sự.

Bà Nguyễn Thị Th hiện sinh sống trên thửa đất số 4, tờ bản đồ 41 cùng anh D, chị T nhưng không có quyền sử dụng, định đoạt với thửa đất. Trường hợp anh D, chị T thanh toán xong toàn bộ khoản nợ cho bà L thì bà L sẽ trả lại giấy chứng nhận cho anh D, chị T nên không ảnh hưởng gì đến quyền lợi của bà Th.

[3]. Án phí: Yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn là anh Trần Văn D và chị Trần Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[4]. Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa phát biểu về điều luật áp dụng và đường lối xử lý là phù hợp pháp luật, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 26, 35, 39, 91, 144, 147, 228, 235, 266, 271 và 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 116, 117, 119, 398, 463, 465, 466, 468, 470 Bộ luật dân sự 2015;

Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về án phí, lệ phí Tòa án, xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc anh Trần Văn D và chị Trần Thị T trả bà Nguyễn Thị L số tiền gốc vay là 500 (Năm trăm) triệu đồng, tiền lãi tính đến ngày 17/9/2021 là 04 năm 02 tháng 12 ngày bằng 157.500.000đ (Một trăm năm mươi bảy triệu năm trăm nghìn đồng). Kể từ ngày 18/9/2021, anh Trần Văn D, chị Trần Thị T còn phải tiếp tục trả lãi trên số tiền gốc còn nợ cho bà L đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ với mức lãi suất là 7,5%/ năm, tương đương 0,625%/ tháng.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Sau khi anh Trần Văn D, chị Trần Thị T thanh toán trả bà Nguyễn Thị L toàn bộ số tiền gốc và lãi thì bà Nguyễn Thị L có Ng vụ trả lại anh D, chị T 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH196748 cấp ngày 02/6/2017 đối với

thửa đất số 4 tờ bản đồ số 41 tại thôn D, xã S, huyện G, tỉnh Bắc Ninh mang tên ông Trần Văn D mà anh D, chị T đã giao cho bà.

2. Án phí: Anh Trần Văn D, chị Trần Thị T phải chịu 30.300.000đ (Ba mươi triệu ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

3. Dương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Tòa án, VKS tỉnh Bắc Ninh;
- VKS và THADS huyện G;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ, Văn phòng.

**T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Vũ Thị Minh Nguyệt